

Số: 1420/TB-VKS

Yên Bai, ngày 14 tháng 7 năm 2021

THÔNG BÁO

Kết luận Hội nghị trực tuyến rút kinh nghiệm về theo dõi quản lý, giải quyết vụ việc, vụ án tạm đình chỉ

Thực hiện Kế hoạch số 71/KH-VKS ngày 15/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bai về công tác kiểm sát năm 2021, ngày 07/7/2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bai tổ chức Hội nghị trực tuyến rút kinh nghiệm các vụ việc, vụ án tạm đình chỉ hai cấp Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bai. Sau khi nghe lãnh đạo Phòng thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án an ninh, ma túy, kinh tế và tham nhũng, chức vụ (Phòng 1) VKSND tỉnh Yên Bai trình bày báo cáo chuyên đề, đã có 08 ý kiến phát biểu tham luận nêu lên kết quả đạt được, kinh nghiệm và các khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý theo dõi các vụ việc, vụ án tạm đình chỉ. Kết thúc hội nghị đồng chí Lê Xuân Hùng- Phó viện trưởng thay mặt lãnh đạo Viện đã biểu dương những nỗ lực, cố gắng của các đơn vị và kết luận, chỉ đạo một số nội dung sau:

1. Công tác quản lý, theo dõi các vụ việc, vụ án tạm đình chỉ là khâu công tác rất quan trọng, được VKSND tối cao và Lãnh đạo VKSND tỉnh Yên Bai thường xuyên quan tâm, chỉ đạo. Tính đến nay VKSND hai cấp tỉnh Yên Bai đã chốt được số liệu và lập hồ sơ kiểm sát theo dõi, quản lý 214 vụ việc và 204 vụ án /44 bị can hiện đang tạm đình chỉ, yêu cầu các đồng chí Trưởng phòng, Viện trưởng VKSND cấp huyện phải trực tiếp chỉ đạo, quản lý số vụ việc, vụ án nêu trên.

2. Qua theo dõi các vụ việc, vụ án tạm đình chỉ đều đã giải quyết qua trình tự tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố, do vậy để hạn chế các vụ việc, vụ án phải tạm đình chỉ điều tra các đơn vị cần phải chấn chỉnh ngay khâu công tác này, chủ động phối hợp với Cơ quan Điều tra để thực hiện tốt việc phân loại, thu lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm. Kịp thời phối hợp với Cơ quan Điều tra thu thập, đánh giá chứng cứ đầy đủ, khách quan, toàn diện ngay từ khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm. Kiểm sát viên phải chủ động phối hợp với Điều tra viên, nghiên cứu các tài liệu ban đầu, thực hiện tốt chức năng thực hành công tố ngay từ khi được phân công kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm. Phải kịp thời ban hành yêu cầu kiểm tra xác minh trong giai đoạn giải quyết tin báo, nguồn tin về tội phạm phải chi tiết, cụ thể, tránh chung chung. Đối với những vụ án phức tạp, có nhiều quan điểm khác nhau về đánh giá chứng cứ, các vụ án nhiều bị can trong đó có một số bị can hiện đang trốn... Kiểm sát viên cần chủ động báo cáo lãnh đạo Viện sớm trao đổi với Cơ quan điều tra để tổ chức họp liên ngành để thống nhất hướng giải quyết.

3. Các vụ việc, vụ án trước khi tạm đình chỉ, yêu cầu phải thực hiện nghiêm các quy định tại Quyết định số 111 của VKSND tối cao về việc ban hành quy chế công tác THQCT, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố và Quy định 410/QĐ-

VKS-P2 ngày 15/3/2021 của Viện trưởng VKSND tỉnh Yên Bái quy định về việc thực hiện thời hạn giải quyết vụ việc, vụ án hình sự.

4. Các đơn vị phải thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Cơ quan điều tra để thống nhất số liệu, rà soát đánh giá chứng cứ nếu còn thời hiệu thì giải quyết theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, hết thời hiệu thì ra Quyết định đình chỉ vụ án. Định kỳ hàng tháng, quý, năm các đơn vị xây dựng báo cáo về VKSND tỉnh Yên Bái (qua phòng 1) để tổng hợp chung báo cáo VKSND tối cao theo quy định.

5. Sau khi có Thông tư liên tịch số 01 ngày 01/6/2020 của VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP- BNN&PTNT- BTC-BTP, Liên ngành Trung ương đã có rất nhiều văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, do vậy yêu cầu các đơn vị phải chủ động nghiên cứu, điển hình như: Công văn số 2010/HDLN ngày 18/5/2021 của Văn phòng Cơ quan CSDT Bộ Công An, Vụ thực hành quyền công tố và KSĐT án ma túy VKSNDTC giải đáp vướng mắc trong quá trình giải quyết các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ, vụ việc tạm dừng giải quyết; tài liệu Hội nghị của Liên ngành trung ương về triển khai Thông tư 01; các hướng dẫn của VKSND tối cao... về cơ bản các khó khăn, vướng mắc của các đơn vị đều đã được giải quyết tại các văn bản nêu trên. Ngoài ra các đơn vị cần thực hiện tốt Quy chế phối hợp số 1070/QCPH-CA-VKS-CCKL ngày 30/6/2021 của Liên ngành cấp tỉnh Yên Bái để tham khảo vận dụng một số quy định về lĩnh vực này.

6. Một số kiến nghị, đề xuất liên quan đến cấp trung ương giải quyết, yêu cầu Phòng thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án an ninh, ma túy, kinh tế và tham nhũng, chức vụ (Phòng 1) VKSND tỉnh Yên Bái tổng hợp báo cáo VKSND tối cao vào thời điểm phù hợp.

Trên đây là kết luận chỉ đạo của đồng chí Phó Viện trưởng tại Hội nghị trực tuyến, rút kinh nghiệm về theo dõi, quản lý giải quyết vụ việc, vụ án tạm đình chỉ của các cơ quan tiến hành tố tụng, Phòng 1 thông báo để các đơn vị biết thực hiện./<

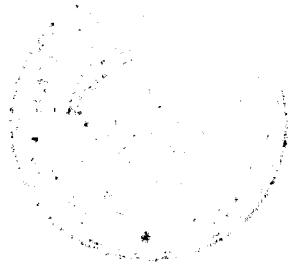
(Kèm thông báo là các tài liệu có liên quan, yêu cầu các đơn vị nghiên cứu triển khai phục vụ cho công tác)

Nơi nhận:

- Phòng 1,2,7, Thanh tra- Khiếu tố;
- VKSND cấp huyện (09);
- Lãnh đạo Viện;
- VPTH;
- Lưu: Vth, P1.



Hà Đình Hiền



VĂN PHÒNG CƠ QUAN CSĐT
BỘ CÔNG AN - VỤ THỰC HÀNH
QUYỀN CÔNG TÓ VÀ KIỂM SÁT ĐIỀU
TRA ÁN MA TÚY VKSNDTC

Số: 2010 /HDLN

V/v giải đáp vướng mắc trong quá trình
giải quyết các vụ án, vụ việc tạm đình
chỉ, vụ việc tạm dừng giải quyết.

Kính gửi:

- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ngày 10/11/2020, Bộ Công an và Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã tổ chức Hội nghị liên ngành triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT ngày 01/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, quy định phối hợp thực hiện một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự về quản lý, giải quyết các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ, vụ việc tạm dừng giải quyết và việc thực hiện Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT; Văn phòng Cơ quan CSĐT Bộ Công an (C01) và Vụ 4 - Viện kiểm sát nhân dân tối cao giải đáp vướng mắc như sau:

I. Vướng mắc trong việc giải quyết vụ việc tạm đình chỉ, tạm dừng giải quyết.

1. Đề nghị hướng dẫn giải quyết đối với những tố giác, tin báo về tội phạm đã tạm dừng giải quyết theo Quy trình tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố trong Công an nhân dân ban hành kèm theo Quyết định số 1319/QĐ-BCA-C41 ngày 20/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an. (Bến Tre, Hải Phòng, Lạng Sơn, Vĩnh Long, Nghệ An, Hà Tĩnh, Hải Dương, Sóc Trăng)

Giải đáp:

Khoản 6 Điều 5 Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT quy định cụ thể: “*Đối với những tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đã tạm dừng giải quyết trước khi Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành thì cơ quan có thẩm quyền điều tra, chủ động trao đổi, thống nhất bằng văn bản với Viện kiểm sát rà soát, phân loại, xử lý như sau:*”

a) *Đối với những vụ việc đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự;*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2021

b) Đối với những vụ việc còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì tiến hành giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố”.

Như vậy, những vụ việc đã tạm dừng giải quyết theo Quyết định số 1319/QĐ-BCA-C41, Cơ quan điều tra cần chủ động trao đổi, thống nhất bằng văn bản với Viện kiểm sát. Đối với vụ việc đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Đối với những vụ việc còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì Cơ quan điều tra phối hợp với Viện kiểm sát cùng cấp tiến hành rà soát lại căn cứ tạm dừng giải quyết và xử lý như sau:

+ Những vụ việc có căn cứ tạm đình chỉ việc giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng hình sự, Cơ quan điều tra ra Quyết định tạm đình chỉ và tiến hành quản lý, theo dõi theo quy định của Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT.

+ Những vụ việc không có căn cứ tạm đình chỉ việc giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng hình sự, Cơ quan điều tra ra Quyết định phục hồi việc giải quyết nguồn tin về tội phạm và tiến hành giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, thời hạn giải quyết được tính từ thời điểm ra Quyết định phục hồi. Việc ra Quyết định phân công mới chỉ đặt ra khi những người được phân công trước đây không thể tiếp tục giải quyết (nghỉ hưu, thay đổi vị trí công tác...).

2. Thực tiễn một số tố giác, tin báo về tội phạm hết thời hạn giải quyết nhưng Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để ra Quyết định khởi tố hoặc Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, cũng không có căn cứ tạm đình chỉ việc giải quyết theo khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng hình sự như: người tố giác không đồng ý đi giám định thương tích; người tố giác, người bị tố giác không chấp hành giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, bỏ đi khỏi địa phương...

Đề nghị hướng dẫn việc áp dụng căn cứ pháp luật trong Quyết định tạm đình chỉ đối với các tố giác, tin báo về tội phạm tạm đình chỉ việc giải quyết theo Quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16 Thông tư số 28/2020/TT-BCA ngày 26/3/2020 của Bộ Công an quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của lực lượng Công an nhân dân (*trường hợp hết thời hạn giải quyết mà chưa đủ căn cứ để ra một trong ba quyết định khởi tố, không khởi tố hoặc tạm đình chỉ*). Một số trường hợp Viện kiểm sát không đồng ý với quan điểm của Cơ quan điều tra do đây là Thông tư của Bộ Công an, không phải Thông tư liên tịch của liên ngành (*Cục Cảnh sát hình sự, Bắc Giang, Bắc Kạn, Bến Tre, Bình Dương, Điện Biên, Kiên Giang, Lạng Sơn, Phú Thọ, Ninh Thuận, Sơn La, Vĩnh Phúc,*

Vũng Tàu, Nghệ An, Hậu Giang).

Giải đáp:

Trường hợp người bị tố giác không ở nơi cư trú, không biết họ ở đâu thì cần có văn bản thông báo truy tìm để phát hiện và triệu tập, lấy lời khai làm rõ những vấn đề có liên quan đến nội dung tố giác. Điều tra viên tiến hành các hoạt động thu thập thông tin, tài liệu, đồ vật; áp dụng biện pháp cưỡng chế dẫn giải *Người làm chứng, Người bị hại, Người bị tố giác* theo quy định tại Điều 127 Bộ luật Tố tụng hình sự; tinh thần chung là phải quyết liệt trong giải quyết vụ việc.

Điểm b khoản 3 Điều 16 Thông tư 28/2020/TT-BCA ngày 26/3/2020 quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của lực lượng Công an nhân dân quy định:

Trường hợp hết thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố nhưng chưa đủ căn cứ để ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, mà cũng không có những căn cứ để tạm đình chỉ việc giải quyết thì báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp để đề xuất Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra có văn bản trao đổi với Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để thống nhất quan điểm giải quyết.

Về nguyên tắc, trường hợp hết thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố nhưng chưa đủ căn cứ để ra quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết thì phải ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự theo nguyên tắc có lợi cho người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố. Tuy nhiên, trong thực tiễn một số trường hợp nhạy cảm về chính trị, xã hội, nếu ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự ngay sẽ có phản ứng trong dư luận. Trong trường hợp này, liên ngành tố tụng cùng cấp thụ lý giải quyết vụ việc cần họp bàn thống nhất hướng xử lý, nhưng vẫn phải đảm bảo việc tạm đình chỉ phải có căn cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

3. Thực tiễn một số tố giác, tin báo về tội phạm không đủ căn cứ để xác định thuộc tội danh nào, chưa xác định được đó là tin báo Giết người, Cố ý gây thương tích hay tự sát (*thường xảy ra ở các vụ chết chưa rõ nguyên nhân, thời gian chết đã lâu, tử thi bị phân hủy, biến dạng...chưa xác định được nhân thân của nạn nhân cũng như nguyên nhân chết*), không xác định được thời điểm tội phạm xảy ra (thường xảy ra ở một số vụ án kinh tế) do vậy khó khăn trong việc xác định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự (*Kon Tum, Phú Thọ*).

Giải đáp:

Cơ quan tiến hành tố tụng địa phương phản ánh không đủ thông tin cần thiết để giải đáp. Vì vậy, về nguyên tắc khi tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác phải phân loại, xác định được tính chất vụ việc có phải là tố giác, tin báo về tội phạm

hay không? Sau đó mới xem xét xác định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với trường hợp tố giác, tin báo về tội phạm không xác định được thời điểm tội phạm xảy ra (án kinh tế), cần căn cứ vào hồ sơ, tài liệu thu thập được và thống nhất với Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để xác định thời điểm xảy ra tội phạm. Nếu không xác định được rõ thời điểm xảy ra tội phạm thì thời hiệu được tính từ khi phát hiện tội phạm.

4. Một số vụ việc khi Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định, tuy nhiên cơ quan giám định từ chối giám định nhưng không có văn bản trả lời, không cho lập biên bản về việc từ chối giám định (*Bắc Giang*).

Giải đáp:

Cần phải xem xét, làm rõ lý do từ chối giám định có thuộc những trường hợp do Luật Giám định tư pháp quy định hay không? Điều 23, 24 Luật Giám định tư pháp quy định về quyền, nghĩa vụ của người giám định tư pháp, tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp; trong đó tại điểm c khoản 2 Điều 23 quy định: *Người giám định tư pháp có nghĩa vụ thực hiện và trả kết luận giám định đúng thời hạn yêu cầu.*

Trường hợp từ chối tiếp nhận trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp thì phải thông báo cho cơ quan trưng cầu giám định bằng văn bản và nêu rõ lý do trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trưng cầu giám định, trừ trường hợp pháp luật quy định thời hạn ngắn hơn (điểm d khoản 2 Điều 24 Luật Giám định tư pháp năm 2012, sửa đổi bổ sung năm 2020).

Trường hợp người giám định từ chối giám định không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì tùy mức độ vi phạm có thể bị cơ quan tiến hành tố tụng xử lý theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Tố tụng hình sự hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Đối với trường hợp nêu trên, trước mắt Cơ quan điều tra có văn bản kiến nghị người đứng đầu cơ quan, tổ chức giám định hoặc cấp trên của cơ quan, tổ chức đó xem xét, xử lý.

5. Đề nghị liên ngành hướng dẫn quá trình giải quyết một tố giác, tin báo về tội phạm được tạm đình chỉ giải quyết bao nhiêu lần? (*Tuyên Quang*).

Giải đáp: Bộ luật Tố tụng hình sự không quy định số lần tạm đình chỉ giải quyết đối với tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Việc tạm đình chỉ, phục hồi giải quyết đối với tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố cần phải thực hiện đúng quy định tại Điều 148, Điều 149 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

II. Vướng mắc trong việc giải quyết vụ án tạm đình chỉ

6. Đối với các vụ án tạm đình chỉ điều tra đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; trong trường hợp đồng chí Phó Thủ trưởng được phân công đã nghỉ hưu hoặc chuyển đơn vị công tác khác, thì thẩm quyền ký Quyết định đình chỉ điều tra vụ án như thế nào? (*Bạc Liêu, Kiên Giang, Hậu Giang*)

Giải đáp:

Trong trường hợp đồng chí Phó Thủ trưởng được phân công đã nghỉ hưu, chuyển công tác, đồng chí Thủ trưởng Cơ quan điều tra trực tiếp ký Quyết định đình chỉ điều tra hoặc Thủ trưởng có văn bản phân công Phó Thủ trưởng khác giải quyết vụ án.

7. Vụ án tạm đình chỉ do bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo chỉ cần có giấy chứng nhận của Hội đồng giám định pháp y theo Điều 160 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 quy định thì vụ án đó tạm đình chỉ. Tuy nhiên, theo quy định của Điều 229 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 thì những trường hợp bị can tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo phải có kết luận giám định tư pháp mới được tạm đình chỉ; những trường hợp này đến nay chưa có văn bản hướng dẫn.

Giải đáp:

Giấy chứng nhận của Hội đồng giám định pháp y trong hồ sơ vụ án được tạm đình chỉ điều tra trước ngày 01/01/2018 (thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003) đến nay vẫn có giá trị pháp lý, vì Giấy chứng nhận của Hội đồng giám định pháp y được cấp tại thời điểm Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 đang có hiệu lực.

8. Đối với các vụ án tạm đình chỉ thuộc Chương tội phạm xâm phạm sở hữu như: Trộm cắp tài sản; cướp; cướp giật... Đối tượng phạm tội có hành vi lén lút, nhanh chóng tẩu thoát gây khó khăn trong việc xác định trị giá tài sản bị chiếm đoạt, vì chỉ xác định trị giá tài sản qua lời khai của bị hại (*Đồng Tháp*).

Giải đáp:

Về việc xác định trị giá tài sản do Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận; Điều 15, Nghị định 30/2018/NĐ-CP ngày 7/3/2018 của Chính Phủ (Nghị định 97/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 30/2018/NĐ-CP) quy định về căn cứ định giá tài sản trong đó khoản 1 Điều 15 nêu rõ: “*Việc định giá tài sản không phải là hàng cấm phải dựa trên ít nhất một trong các căn cứ sau:*

- a) Giá thị trường của tài sản;
- b) Giá do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định;
- c) Giá do doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp;

- d) Giá trong tài liệu, hồ sơ kèm theo tài sản cần định giá (nếu có);
 đ) Các căn cứ khác về giá hoặc giá trị của tài sản cần định giá”

Điều 17 Nghị định 30 quy định về phương pháp định giá tài sản đối với một số trường hợp cụ thể, như:

(1) Tài sản bị mất, thất lạc; tài sản bị hủy hoại, hư hỏng toàn bộ và không có khả năng khôi phục lại như tình trạng trước khi bị hủy hoại, hư hỏng thì hội đồng định giá xác định giá của tài sản theo hồ sơ của tài sản trên cơ sở các thông tin, tài liệu thu thập được về tài sản cần định giá.

(2) Tài sản là hàng giả: Hội đồng định giá xác định tài sản theo giá của hàng thật hoặc giá của tài sản tương tự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

(3) Tài sản không mua bán phổ biến trên thị trường; tài sản là kim khí quý, đá quý, di vật, cổ vật hoặc vật có giá trị văn hóa, tôn giáo, khảo cổ, kiến trúc, lịch sử thì Hội đồng định giá xác định giá trị tài sản dựa trên kết quả giám định, ý kiến đánh giá của cơ quan có thẩm quyền và chuyên gia về lĩnh vực này hoặc giá trị ghi trong hồ sơ, tài liệu của tài sản.

Quá trình điều tra, lấy lời khai bị hại, Điều tra viên cần chú ý làm rõ về đặc điểm, nguồn gốc, giá trị ban đầu của tài sản, thu thập các tài liệu liên quan đến tài sản đó (như: hóa đơn mua bán, các tài liệu đi kèm khi mua tài sản, đối với tài sản là ô tô, xe máy cần thu thập đăng ký xe, sổ đăng kiểm, bảo hiểm, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường...), lấy lời khai những người biết về tài sản bị thiệt hại...để làm cơ sở cho việc định giá tài sản. Những thông tin, tài liệu này là cơ sở để Hội đồng định giá xác định trị giá tài sản.

9. Các vụ án xâm phạm sở hữu trước đây khi khởi tố vụ án hình sự không ra Quyết định trung cầu giám định trị giá tài sản thiệt hại (ngày 02/3/2005 mới có Nghị định số 26/2005 của Chính phủ về định giá tài sản trong tố tụng hình sự) nên gặp khó khăn trong việc phân loại, xác định loại tội phạm, không xác định được trị giá tài sản bị thiệt hại, do đó không có căn cứ xác định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự (*Hà Tĩnh*).

Giải đáp:

Vấn đề này đã được quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT, cụ thể là:

... “Trường hợp Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can chỉ ghi điều luật, không ghi khoản và quá trình điều tra chưa chứng minh, làm rõ được hành vi phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản nào của điều luật đó thì việc xác định thời hiệu căn cứ vào khung hình phạt trong cấu thành cơ

bản của điều luật đó”.

Do vậy, trong các trường hợp vụ án xâm phạm sở hữu, không xác định được trị giá tài sản bị chiếm đoạt thì việc xác định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự căn cứ vào khung hình phạt trong cấu thành cơ bản của tội phạm đó.

10. Một số vụ án tạm đình chỉ, thời gian đã quá lâu, do thay đổi chế độ hồ sơ, cán bộ luân chuyển công tác, nhiều đồng chí nghỉ hưu; Một số địa phương do có sự thay đổi (tách, nhập) về địa giới hành chính, quá trình lưu trữ, bảo quản đối với các hệ thống sổ sách theo dõi các vụ án tạm đình chỉ điều tra còn nhiều tồn tại, thiếu sót, có đơn vị hệ thống sổ sách bị thất lạc... nên một số vụ án tạm đình chỉ chưa tìm thấy hồ sơ hoặc không rõ số đăng ký nộp lưu.

Một số vụ án tạm đình chỉ điều tra có nhiều tồn tại vi phạm về tố tụng như: không có Quyết định tạm đình chỉ điều tra trong hồ sơ, người ký quyết định tố tụng theo quy định phải có phân công hoặc ủy quyền nhưng không có tài liệu này trong hồ sơ; vật chứng thu giữ không rõ ai quản lý hoặc đã bị thất lạc; bị can có nhân thân không chính xác về tuổi, địa chỉ... ; nhân chứng, người liên quan sau khi phục hồi điều tra đã chuyển đi nơi khác nhưng không xác định được địa chỉ, không rõ nhân thân hoặc không nhớ rõ tình tiết vụ việc; hiện trường vụ án không còn... nên việc khắc phục rất hạn chế, thậm chí không thể khắc phục được (*Bắc Ninh, Bình Phước, Hải Phòng, TP Hồ Chí Minh*).

Giải đáp:

Những trường hợp như trên, Điều tra viên, Kiểm sát viên cùng nghiên cứu hồ sơ vụ án, đề xuất quan điểm với lãnh đạo liên ngành về việc giải quyết đối với từng vụ án, vụ việc cụ thể để khắc phục những tồn tại, thiếu sót này.

Những vụ án tạm đình chỉ điều tra đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì ra Quyết định đình chỉ điều tra mà không phải ra Quyết định phục hồi điều tra theo khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT. Nếu xác định vụ án có lý do để hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra và vẫn còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì ra Quyết định phục hồi theo khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT và tiến hành giải quyết theo quy định. Đối với các trường hợp vụ án, vụ việc tạm đình chỉ điều tra bị thất lạc hồ sơ, Cơ quan điều tra cần phối hợp với các đơn vị chức năng (Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ, Viện kiểm sát, Tòa án cùng cấp...), liên hệ các đồng chí được phân công thụ lý, giải quyết vụ việc, vụ án trước đây... để tổ chức truy tìm hồ sơ bị thất lạc. Mặt khác, cần làm rõ trách nhiệm của lãnh đạo, Điều tra viên, Cán bộ điều tra trong quá trình điều tra, giải quyết vụ việc, vụ án để xử lý theo quy định của ngành.

Liên ngành thống nhất quyết định; quyết định này là quyết định cá biệt áp

dụng đối với từng vụ việc, vụ án cụ thể.

11. Vụ án tạm đình chỉ có đối tượng phạm tội là người nước ngoài gặp khó khăn do đối tượng truy nã là người nước ngoài đã trốn về nước, tuy nhiên, giữa Việt Nam và quốc gia đó chưa ký kết hiệp định tương trợ tư pháp do vậy khó khăn trong công tác truy bắt đối tượng, phục hồi điều tra giải quyết vụ án (*Kon Tum, Hué*).

Giải đáp:

Đối với các vụ án nêu trên, Cơ quan thụ lý phải lập hồ sơ ủy thác tư pháp theo nguyên tắc có đi có lại. Tùy từng vụ án để yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thực hiện tương trợ tư pháp như: thu thập, cung cấp chứng cứ ở nước được yêu cầu để giải quyết vụ án hình sự tại Việt Nam hoặc ủy thác tư pháp truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đang ở nước ngoài mà người đó mang quốc tịch. Cơ quan điều tra cần có văn bản đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ 13) để xem xét, có Công hàm trao đổi, đôn đốc Cơ quan có thẩm quyền nước ngoài sớm giải quyết, trả lời.

12. Theo điểm b khoản 2 Điều 13 Thông tư 32/2013/TT-BCA-C41 ngày 12/6/2013 của Bộ Công an quy định: “Hồ sơ chuyên án, vụ án hình sự có quyết định tạm đình chỉ điều tra sau 02 năm nếu chưa có căn cứ phục hồi được nộp lưu. Đơn vị nghiệp vụ phải thường xuyên rà soát chuyên án, vụ án tạm đình chỉ, khi có căn cứ phục hồi điều tra được rút hồ sơ để sử dụng lại”. Tuy nhiên, đối với những vụ án tạm đình chỉ khi hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, hồ sơ đã nộp lưu thì chưa có quy định về việc có được rút hồ sơ để làm thủ tục đình chỉ vụ án hay không, dẫn đến khó khăn trong công tác hồ sơ (những vụ án hết thời hiệu thì ra Quyết định đình chỉ, không phải phục hồi điều tra) (*Phú Thọ, Thanh Hóa, Hậu Giang*).

Giải đáp:

Về thời hạn nộp lưu hồ sơ: điểm b khoản 2 Điều 17 Thông tư số 60/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020 của Bộ Công an quy định công tác hồ sơ nghiệp vụ CAND, quy định “*Hồ sơ vụ án hình sự khi bản án có hiệu lực pháp luật phải nộp lưu trong thời hạn không quá 03 tháng; khi có Quyết định tạm đình chỉ, sau 01 năm nếu chưa có căn cứ phục hồi được nộp lưu*”.

Về việc rút hồ sơ: điểm đ khoản 2 Điều 17 Thông tư 60/2020/TT-BCA nêu trên, quy định “*Đơn vị nghiệp vụ phải thường xuyên rà soát chuyên án, vụ án hình sự tạm đình chỉ, khi có căn cứ phục hồi điều tra được rút hồ sơ để sử dụng lại*”.

Đối với những vụ việc tạm đình chỉ chưa có hướng dẫn về thời hạn nộp lưu và việc rút hồ sơ để sử dụng lại. Về việc này, Văn phòng Cơ quan CSĐT Bộ Công an sẽ đề nghị Cục Hồ sơ nghiệp vụ sớm có văn bản hướng dẫn thực hiện.

13. Đối với các vụ án khởi tố theo Điều 231 Bộ luật hình sự năm 1999 (Tội phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia) sau đó ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án (chủ yếu là hành vi trộm cắp đường dây cáp viễn thông, thiết bị đường sắt). Đến nay, pháp luật quy định công trình quan trọng về an ninh quốc gia phải thuộc danh mục được Chính phủ phê duyệt. Do vậy, khó khăn trong việc xác định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự (*Phú Thọ, Hà Nam*).

Giải đáp:

Việc xác định công trình quan trọng về an ninh quốc gia cần căn cứ quy định tại điểm 2 Công văn số 99 ngày 01/7/2009 của Tòa án nhân dân tối cao về việc thi hành một số quy định của các văn bản quy phạm pháp luật.

Ngày 20/8/2009, Tòa án nhân dân tối cao có Công văn số 144/TANDTC về việc xác định công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, có hướng dẫn: "...*Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát phải yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 126/2008/NĐ-CP hoặc cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị đưa công trình vào danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia quy định tại Điều 10 của Nghị định kết luận là công trình đó có đủ tiêu chí xác định công trình thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia hay không. Nếu kết luận... là công trình đó có đủ tiêu chí của công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và đủ các yếu tố khác cấu thành tội phạm thì truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm quy định tại Điều 231 của Bộ luật Hình sự. Ngược lại, kết luận là công trình đó không đủ tiêu chí của công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, nhưng đủ các yếu tố khác cấu thành tội phạm thì truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm tương ứng*".

Ngày 14/9/2009, Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an có Công văn số 1269/ANĐT hướng dẫn xác định công trình quan trọng về an ninh quốc gia:

"a. Phải coi "công trình quan trọng về an ninh quốc gia" là "công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia".

b. Để được coi là "công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia" thì công trình đó phải thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia do Chính phủ quy định. Trong trường hợp chưa được quy định trong danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia thì chỉ được coi là "công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia" khi có kết luận của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 126/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ."

Hiện nay, Chính phủ đã ban hành một số quyết định về danh mục công

trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia như: QĐ số 99/QĐ-TTg ngày 20/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ v/v đưa công trình nhà máy thủy điện Hòa Bình vào công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; QĐ 1944/QĐ-TTg ngày 4/12/2017 về hệ thống truyền tải điện 500KV vào công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; QĐ 809/QĐ-TTg ngày 5/7/2018 đưa công trình Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Đài kiểm soát không lưu, Đài rada Tân Sơn Nhất vào công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia...do vậy, việc xác định công trình quan trọng liên quan về an ninh quốc gia hiện nay không còn vướng mắc lớn.

Các vụ án đã khởi tố theo Điều 231 Bộ luật Hình sự năm 1999 (chủ yếu là hành vi trộm cắp đường dây cáp viễn thông, thiết bị đường sắt) sau đó ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án trước khi Nghị định số 126/2008/NĐ-CP ban hành thì căn cứ các chính sách pháp luật hiện hành để áp dụng theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, thời hiệu được tính từ thời điểm xảy ra vụ án.

14. Đối với các vụ án tạm đình chỉ điều tra phát sinh trước thời điểm có hướng dẫn tại khoản 1 Điều 12 Thông tư liên tịch 13/2012/TTLT ngày 9/10/2012 của Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao về tách vụ án đối với từng đối tượng truy nã thì có cần phải bổ sung Quyết định tách vụ án và Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can không? (Phú Thọ).

Giải đáp:

Khoản 1 Điều 12 Thông tư liên tịch số 13/2012/TTLT ngày 9/10/2012 hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật thi hành án hình sự về truy nã, quy định: *Đối với vụ án có nhiều bị can, trong đó có bị can bị truy nã thì trước khi kết thúc điều tra, Cơ quan điều tra ra Quyết định tách vụ án hình sự phần có liên quan đến hành vi của bị can bỏ trốn (nếu việc tách đó không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan và toàn diện của vụ án), khi đã hết thời hạn điều tra thì ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án phần có liên quan đến hành vi của bị can bỏ trốn và ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với bị can đang bị truy nã. Các bị can khác trong vụ án vẫn được kết luận điều tra, đề nghị truy tố theo quy định.*

Các vụ án tạm đình chỉ điều tra trước thời điểm có hướng dẫn tại khoản 1, Điều 12, Thông tư liên tịch 13/2012/TTLT ngày 9/10/2012 thì không cần bổ sung Quyết định tách vụ án và Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can. Tuy nhiên, nếu xác định có căn cứ phục hồi điều tra thì Cơ quan điều tra ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án đối với bị can và Quyết định phục hồi điều tra bị can và tiến hành giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố

tụng hình sự năm 2015 mặc dù trước đó không có Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can.

15. Hiểu thế nào là “hết thời hạn điều tra” trong trường hợp tạm đình chỉ do hết thời hạn điều tra nhưng chưa xác định được bị can, không biết rõ bị can ở đâu. Thời hạn này có bao gồm thời hạn gia hạn điều tra hay không? Hướng xử lý khi vụ án có nhiều bị can, có 1 bị can bỏ trốn nhưng các bị can còn lại có thể kết thúc điều tra trước khi hết thời hạn điều tra? (Tuyên Quang).

Giải đáp:

Thời hạn điều tra vụ án được quy định tại Điều 229 Bộ luật Tố tụng hình sự bao gồm thời hạn điều tra và thời hạn gia hạn điều tra. Trong thời hạn điều tra đó Cơ quan điều tra phải áp dụng mọi biện pháp điều tra theo quy định để giải quyết vụ án. Hết thời hạn điều tra nếu không kết thúc điều tra được vì các lý do luật định, Cơ quan điều tra ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can (nếu đã khởi tố bị can). Trường hợp không biết rõ bị can đang ở đâu, Cơ quan điều tra phải ra quyết định truy nã trước khi ra quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can.

Khi có kết luận giám định tư pháp xác định bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo thì có thể tạm đình chỉ điều tra trước khi hết thời hạn điều tra nếu không ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án.

Trong trường hợp vụ án có nhiều bị can trong đó có bị can bỏ trốn, mà Cơ quan điều tra đã hoàn tất việc điều tra đối với số bị can còn lại, thì Cơ quan điều tra có thể ra quyết định tách vụ án và kết thúc điều tra đề nghị truy tố đối với số bị can còn lại. Đối với vụ án đã tách, nếu hết thời hạn điều tra vẫn chưa bắt được bị can bỏ trốn thì ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can và Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can theo quy định chung.

III. Vướng mắc liên quan đến vụ việc, vụ án tạm đình chỉ

16. Hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về quy trình, thủ tục quản lý, xử lý vật chứng, đồ vật, tài sản tạm giữ trong những vụ án, vụ việc tạm đình chỉ điều tra (nhất là những vật chứng, đồ vật, tài sản tạm giữ chưa xác định được chủ sở hữu hoặc không rõ nguồn gốc), dẫn đến vật chứng đồ vật, tài sản tạm giữ của các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ tồn đọng, không xử lý được, gây quá tải kho vật chứng, nhiều vật chứng bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng (Bắc Giang, Bình Dương, Kon Tum, Sơn La, Thái Bình, Huế, Hà Tĩnh).

Giải đáp:

Điều 13 Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT quy định: “Việc quản lý, xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật, tài sản bị tạm giữ trong vụ án, vụ việc tạm đình chỉ

được thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 90 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự... ”. Đối với vụ án, vụ việc cụ thể phức tạp thì Cơ quan điều tra phối hợp, trao đổi với Viện kiểm sát cùng cấp để thống nhất biện pháp xử lý trước khi ra quyết định xử lý.

Theo đó, trong quá trình giải quyết nguồn tin về tội phạm, trong giai đoạn điều tra, pháp luật quy định Cơ quan điều tra quyết định xử lý vật chứng nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn điều tra; hoặc trong giai đoạn điều tra, cơ quan điều tra có quyền trả lại tài sản không phải là vật chứng; trả lại tài sản cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án; xử lý vật chứng thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản, vật chứng là động vật hoang dã.

Tuy nhiên, để giải quyết bất cập trong việc quản lý, xử lý vật chứng; đồ vật, tài sản thu giữ của các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ (cụ thể là những đồ vật, tài sản tạm giữ nhiều năm, xuống cấp, giảm giá trị...) thì Cơ quan điều tra trao đổi thống nhất với Viện kiểm sát cùng cấp giải quyết, xử lý; quyết định này là quyết định cá biệt.

17. Khoản 3 Điều 27 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: *thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được tính từ ngày tội phạm được thực hiện. Nếu trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, người phạm tội lại thực hiện hành vi phạm tội mới mà Bộ luật này quy định mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội áy trên 1 năm tù, thì thời hiệu đối với tội cũ được tính lại kể từ ngày thực hiện hành vi phạm tội mới. Đối với các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ điều tra, chưa xác định được đối tượng, nay do hết thời hiệu phải ra Quyết định đình chỉ điều tra hoặc Quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Tuy nhiên, có trường hợp, bị can trong vụ án khác khai nhận đã gây ra vụ án, vụ việc mà Cơ quan điều tra đã ra Quyết định đình chỉ hoặc Quyết định không khởi tố (nêu ở trên) thì hướng xử lý, giải quyết thế nào? (Lạng Sơn, Hà Nam).*

Giải đáp:

Trường hợp bị can trong vụ án khác khai nhận đã gây ra vụ án, vụ việc mà Cơ quan điều tra đã ra Quyết định đình chỉ điều tra (hoặc Quyết định không khởi tố vụ án hình sự) do hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì Cơ quan điều tra phải kiểm tra hồ sơ vụ án (vụ việc) xác định nếu người phạm tội đã thực hiện tội phạm mới mà Bộ luật hình sự quy định mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội áy trên một năm tù và thời điểm tội phạm mới xảy ra khi thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội cũ (đã ra Quyết định đình chỉ hoặc Quyết định không khởi tố) chưa hết thì Cơ quan điều tra hủy Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hoặc Quyết định không khởi tố vụ án hình sự và xử lý đồng thời hai hành vi phạm tội theo quy định của pháp luật.

Ví dụ. Ngày 01/01/2015, anh Nguyễn Văn A bị kẻ gian lấy trộm xe máy trị giá 10 triệu đồng. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự để điều tra, làm rõ; hết thời hạn điều tra, chưa xác định được đối tượng phạm tội nên đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án. Ngày 02/01/2020, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án do hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

Nay Cơ quan điều tra bắt giữ đối tượng Trần Văn C trong vụ án Trộm cắp xe máy xảy ra ngày 19/5/2017. Quá trình đấu tranh, Trần Văn C khai nhận và Cơ quan điều tra đã chứng minh được C là người thực hiện hành vi trộm xe máy của anh Nguyễn Văn A vào ngày 01/01/2015. Như vậy, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi trộm cắp của Trần Văn C vào ngày 01/01/2015 sẽ được tính lại từ ngày 19/5/2017 (ngày mà Trần Văn C phạm tội mới). Trong trường hợp này, Cơ quan điều tra phải hủy Quyết định đình chỉ điều tra vụ án và tiến hành điều tra, xử lý Trần Văn C về 2 vụ trộm cắp theo quy định của pháp luật.

18. Khoản 3 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT có quy định: “*quá trình điều tra chưa chứng minh, làm rõ được hành vi phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản nào của điều luật đó thì việc xác định thời hiệu căn cứ vào khung hình phạt trong cấu thành cơ bản của điều luật đó*”. Đề nghị hướng dẫn cụ thể về “khung hình phạt trong cấu thành cơ bản” theo quy định nêu trên (*Ninh Thuận*).

Giải đáp:

Cấu thành tội phạm cơ bản là cấu thành tội phạm chỉ có dấu hiệu định tội. Đó là cấu thành tội phạm bao gồm những dấu hiệu mô tả tội phạm và là cơ sở pháp lý cho việc định tội danh và phân biệt tội phạm này với tội phạm khác.

Khung hình phạt trong cấu thành cơ bản là khung hình phạt được quy định cho trường hợp phạm tội thông thường của một loại tội, không có các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự với tội danh đó. Thông thường, khung hình phạt trong cấu thành cơ bản thường được quy định tại khoản 1 của Điều luật đó. Trong một số trường hợp, khung hình phạt trong cấu thành cơ bản có thể quy định tại các khoản khác của Điều luật, ví dụ tội Giết người có khung hình phạt trong cấu thành cơ bản quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

19. Một số vụ việc, vụ án tạm đình chỉ điều tra với lý do chưa làm việc được với đối tượng bị tố giác, chưa xác định được bị can...nên chưa có căn cứ để xác định tính chất, hậu quả và phân loại tội phạm để xác định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT, những trường hợp nêu trên thì việc xác định thời hiệu căn cứ vào khung hình phạt trong

cấu thành cơ bản của Điều luật đó và Cơ quan điều tra đã ra Quyết định đình chỉ điều tra hoặc Quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Một thời gian sau, đối tượng tự thú và Cơ quan điều tra có căn cứ để làm rõ, xác định tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội, tội phạm chuyển sang khung tăng nặng và còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, tuy nhiên, trước đó đã ra Quyết định đình chỉ điều tra hoặc ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Trường hợp này xử lý như thế nào? (*Bến Tre, Thái Bình, Hà Nam, Hải Dương*).

Giải đáp:

Trong các vụ việc, vụ án trên, do chưa làm việc được với người bị tố giác, chưa xác định được bị can...nên chưa có căn cứ để xác định tính chất, hậu quả và phân loại tội phạm (thuộc loại tội phạm nào) để xác định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự ra Quyết định đình chỉ điều tra hoặc Quyết định không khởi tố vụ án hình sự căn cứ vào khung hình phạt trong cấu thành cơ bản tại thời điểm ra quyết định là phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau đó đã làm rõ, xác định tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội cũng như nhân thân của người phạm tội, phân loại tội phạm nặng hơn và xác định còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, thì Cơ quan điều tra hủy Quyết định đình chỉ điều tra hoặc hủy Quyết định không khởi tố vụ án để xử lý theo quy định của pháp luật.

Ví dụ: Ngày 01/6/2015, ông Huỳnh Văn A bị một đối tượng dùng hung khí đánh, kết quả giám định thương tích của ông Huỳnh Văn A là 15%. Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án Cố ý gây thương tích để điều tra nhưng hết thời hạn điều tra chưa xác định được đối tượng phạm tội, đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án. Đến ngày 02/6/2020, Cơ quan điều tra ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án do hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tháng 8/2020, Cơ quan điều tra làm rõ, xác định được đối tượng Lê Văn B là người đánh ông Huỳnh Văn A vào ngày 01/6/2015, Lê Văn B được đối tượng Đặng Văn C thuê đánh ông Huỳnh Văn A để dằn mặt do Đặng Văn C có mâu thuẫn với ông Huỳnh Văn A. Như vậy, hành vi của đối tượng Lê Văn B, Đặng Văn C phạm tội Cố ý gây thương tích theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự, là tội phạm nghiêm trọng với thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là 10 năm. Trong trường hợp này, Cơ quan điều tra phải ra Quyết định hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra vụ án và tiến hành điều tra, xử lý Lê Văn B, Đặng Văn C theo quy định của pháp luật.

20. Theo quy định tại khoản 5 Điều 5; khoản 7 Điều 6; khoản 8 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT quy định các vụ việc, vụ án sau khi tạm đình chỉ giải quyết, tạm đình chỉ điều tra, Cơ quan có thẩm quyền điều tra và Viện kiểm sát chỉ áp dụng các biện pháp để giải quyết lý do tạm đình chỉ. Tuy

nhiên, trên thực tế, một số vụ án, vụ việc đang tạm đình chỉ thì phát sinh thêm các tình tiết, tài liệu, chứng cứ mới nhưng không liên quan đến các căn cứ tạm đình chỉ. Đề nghị liên ngành có hướng dẫn về trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ mới đối với trường hợp trên (*Hà Nội*).

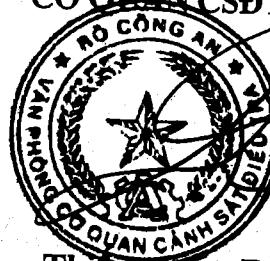
Giải đáp:

Về nguyên tắc, khi vụ án, vụ việc tạm đình chỉ thì phải tạm dừng các hoạt động điều tra thu thập chứng cứ, tài liệu. Sau khi ra quyết định tạm đình chỉ, Cơ quan điều tra chỉ thực hiện các biện pháp: (1) Áp dụng các biện pháp để giải quyết lý do tạm đình chỉ, như: văn bản đôn đốc cơ quan, tổ chức giám định, Hội đồng định giá tài sản sớm có kết luận; đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao có Công hàm đôn đốc cơ quan chức năng của nước ngoài trả lời Yêu cầu tương trợ tư pháp của Việt Nam. (2) Áp dụng biện pháp nghiệp vụ cần thiết để truy bắt bị can bị truy nã hoặc để làm rõ đối tượng gây án, truy tìm và thu giữ vật chứng.

Trên đây là nội dung giải đáp vuông mắc trong quá trình giải quyết các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ, vụ việc tạm dừng giải quyết và liên quan đến việc thực hiện Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT, Văn phòng Cơ quan CSĐT Bộ Công an và Vụ 4 - Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo để các đơn vị, địa phương thực hiện./. *Nhox*

**VỤ TRƯỞNG VỤ 4
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO**

**CHÁNH VĂN PHÒNG
CƠ QUAN CSĐT BỘ CÔNG AN**



Nguyễn Văn Hải

Thiếu tướng Đỗ Văn Hoành

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Tô Lâm, Bộ trưởng Bộ Công an (để b/c);
- Đ/c Lê Minh Trí, Viện trưởng VKSNDTC (để b/c);
- Đ/c Lê Quý Vương, Thứ trưởng BCA (để b/c);
- Đ/c Nguyễn Duy Ngọc, Thứ trưởng BCA (để b/c);
- Đ/c Nguyễn Huy Tiết, PVT thường trực VKSNDTC (để b/c);
- C02, C03, C04, C05, C07, C08, C10, A09 Bộ Công an (để biết);
- Vụ 1, Vụ 2, Vụ 3, Vụ 4, Vụ 5, Vụ 14, Cục 1 VKSNDTC (để biết)
- Lưu: VPCQCSĐT (VT, P3), VKSNDTC (VT, Vụ 4).



Số: 1070/QCPH-CA-VKS-CCKL

Yên Bai, ngày 30 tháng 6 năm 2021

QUY CHẾ PHỐI HỢP

Giữa Công an - Viện kiểm sát - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Yên Bai trong công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, quản lý, giải quyết các vụ việc tạm đình chỉ

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quy định phối hợp giữa các cơ quan trong thực hiện thống kê hình sự;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP-BNN&PTNT-BTC-BTP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định phối hợp thực hiện một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự về quản lý, giải quyết các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ;

Liên ngành Công an, Viện kiểm sát, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Yên Bai thống nhất ban hành Quy chế phối hợp giữa Công an - Viện kiểm sát - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Yên Bai trong công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, quản lý, giải quyết các vụ việc tạm đình chỉ như sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, mục đích, phương pháp, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Chi cục Kiểm

lâm tinh Yên Bai trong công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, quản lý, giải quyết các vụ việc tạm đình chỉ.

2. Việc tiếp nhận, giải quyết các tố giác, tin báo về tội phạm do người phạm tội tự thú hoặc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trực tiếp phát hiện được thực hiện theo quy định của Quy chế này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cơ quan An ninh điều tra (sau đây viết tắt là Cơ quan điều tra), cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Yên Bai.

2. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, Điều tra viên, Cán bộ điều tra của Cơ quan điều tra Công an tỉnh; Cấp trưởng, Cấp phó, Cán bộ điều tra của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh; Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh; Cấp trưởng, Cấp phó, Cán bộ điều tra của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Yên Bai.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

Điều 3. Nguyên tắc, mục đích phối hợp

1. Bảo đảm tuân thủ đúng chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan theo quy định của pháp luật.

2. Được thực hiện thường xuyên, bảo đảm công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, quản lý, giải quyết các vụ việc tạm đình chỉ nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả, đúng pháp luật.

3. Bảo đảm bí mật nhà nước, bí mật công tác theo quy định của pháp luật và của mỗi ngành.

Điều 4. Phương pháp phối hợp

1. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Yên Bai có trách nhiệm trao đổi, cung cấp các tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố khi tiếp nhận, giải quyết bằng các hình thức như trực tiếp trao đổi, bằng văn bản hoặc phương tiện thông tin liên lạc khác nhằm thuận lợi cho việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố được nhanh chóng, kịp thời.

2. Trong quá trình tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố nếu có khó khăn về nội dung, đường lối giải quyết, các cơ quan có thẩm quyền đang thụ lý, giải quyết có thể tổ chức cuộc họp liên ngành cấp phòng để thống nhất biện pháp giải quyết và có thể mời đại diện lãnh đạo Tòa hình sự, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bai tham gia. Cơ quan chủ trì cuộc họp phải có giấy mời thông báo về nội dung cuộc họp, gửi tài liệu cho cơ quan được mời trước khi tổ chức cuộc họp 03 ngày và lập biên bản ghi chép đầy đủ ý kiến của các đại biểu tham gia cuộc họp, ý kiến kết luận, đại diện các ngành tham gia ký vào biên bản.

3. Trong quá trình giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, nếu có ý kiến khác nhau giữa cấp phòng (cơ quan, đơn vị) thì các bên báo cáo cho lãnh đạo ngành mình để xem xét quyết định. Nếu đã tiến hành họp lãnh đạo liên ngành mà còn có những vấn đề chưa thống nhất về quan điểm xử lý, thì cơ quan chủ trì báo cáo lên ngành dọc để xin ý kiến chỉ đạo hoặc thỉnh thị liên ngành cấp trên có thẩm quyền chỉ đạo thực hiện.

Trường hợp Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Hạt kiểm lâm cấp huyện có văn bản thỉnh thị thì Cơ quan điều tra Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh chủ động nghiên cứu trả lời; nếu xét thấy cần thiết có thể tổ chức họp liên ngành (có thể mời thêm Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái) để bàn bạc, thống nhất việc hướng dẫn trả lời thỉnh thị.

4. Việc giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố được thực hiện theo quy định tại Điều 150 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chương II NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 5. Tiếp nhận, tổ chức tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố

1. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Yên Bái có trách nhiệm tiếp nhận đầy đủ mọi tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố theo quy định tại Điều 145 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 5, Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài Chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và quy định của ngành dọc cấp trên; mở sổ theo dõi, quản lý, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

2. Cơ quan điều tra Công an tỉnh phải tổ chức trực ban hình sự 24/24 giờ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phải tổ chức trực nghiệp vụ 24/24 giờ để tiếp nhận đầy đủ mọi tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố (kể cả tin báo về tội phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng), phân loại và chuyển ngay cho các cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Địa điểm tiếp nhận phải đặt ở nơi thuận tiện, có biển ghi tên cơ quan, số điện thoại liên hệ và thông báo rộng rãi để mọi người biết. Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh phải bố trí cán bộ trực để tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm.

3. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh khi nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố qua dịch vụ bưu chính, điện thoại hoặc qua phương tiện thông tin khác thì ghi vào sổ tiếp nhận. Nếu

cá nhân trực tiếp đến tố giác về tội phạm hoặc đại diện cơ quan, tổ chức trực tiếp đến báo tin về tội phạm thì lập biên bản tiếp nhận và ghi vào sổ tiếp nhận. Có thể ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc tiếp nhận. Trường hợp người phạm tội đến tự thú, đầu thú thì thực hiện theo trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 152 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh phải thông báo bằng văn bản về kết quả tiếp nhận cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố biết.

5. Trường hợp Cơ quan điều tra Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh nhận được nguồn tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhưng chưa xác định được được nguồn tin là khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự; khiếu nại theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011; tố cáo theo quy định của Luật Tố cáo năm 2018 hay tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và có quan điểm khác nhau trong việc xác định, giải quyết thì tổ chức họp hai ngành để thống nhất hướng xử lý.

Điều 6. Phân loại tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố

1. Cơ quan điều tra, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh sau khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố phải tiến hành phân loại trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi tiếp nhận. Trường hợp tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền thì giải quyết theo quy định tại khoản 1, Điều 7 quy chế này. Nếu có căn cứ xác định tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố kèm theo tài liệu có liên quan đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi có căn cứ xác định, đồng thời gửi thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh biết. Trong trường hợp không thể chuyển ngay thì phải thông báo bằng các hình thức liên lạc nhanh nhất cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền biết, đồng thời gửi thông báo bằng hình thức tương tự cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh.

2. Trường hợp Chi cục Kiểm lâm tỉnh chuyển tố giác, tin báo về tội phạm cho Hạt kiểm lâm cấp huyện để tiến hành một số hoạt động kiểm tra, xác minh theo quy định của pháp luật thì đồng thời gửi thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh biết trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi chuyển tố giác, tin báo về tội phạm. Trong trường hợp không thể chuyển ngay thì phải thông báo cho bằng các hình thức liên lạc nhanh nhất.

3. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh sau khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố phải chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố kèm theo tài liệu có liên quan cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi tiếp nhận. Trường hợp không thể chuyển ngay thì phải thông báo bằng hình thức liên lạc nhanh nhất cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền biết để tiến hành kiểm tra, xác minh, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố

1. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền giải quyết, Thủ trưởng Cơ quan điều tra Công an tỉnh trực tiếp tổ chức, chỉ đạo, phân công Điều tra viên, Cán bộ điều tra thuộc quyền thụ lý, giải quyết hoặc ra quyết định phân công Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra tổ chức, chỉ đạo thụ lý, giải quyết; Cấp trưởng Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh trực tiếp chỉ đạo việc thụ lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, phân công Cán bộ điều tra thuộc quyền hoặc ra quyết định phân công Cấp phó trong việc thụ lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái.

Đối với tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố sau khi tiếp nhận đã rõ về dấu hiệu của tội phạm, đủ căn cứ để khởi tố vụ án hình sự thì Cơ quan điều tra, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh ra quyết định khởi tố vụ án hình sự và thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không phải ra quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh trực tiếp tổ chức, chỉ đạo hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, phân công Kiểm sát viên, Kiểm tra viên hoặc ra quyết định phân công Phó Viện trưởng tổ chức, chỉ đạo hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và gửi ngay một bản cho cơ quan đã ra quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

Đối với tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đã rõ về dấu hiệu của tội phạm mà Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh trực tiếp tổ chức, chỉ đạo hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra, phân công Kiểm sát viên, Kiểm tra viên hoặc ra quyết định phân công Phó Viện trưởng tổ chức, chỉ đạo hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát việc khởi tố, điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

3. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố trong trường hợp phát hiện Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong hoạt động kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đã yêu cầu bằng văn bản nhưng sau 15 ngày kể từ ngày cơ quan đang thụ lý, giải quyết nhận văn bản yêu cầu mà không được

khắc phục theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 145 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh có trách nhiệm chuyển hồ sơ có liên quan cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Đối với các tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố phức tạp, Kiểm sát viên có thể phối hợp với Điều tra viên, Cán bộ điều tra của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh để tiến hành một số hoạt động kiểm tra, xác minh; sau khi tiến hành kiểm tra, xác minh mà đã rõ dấu hiệu tội phạm, đủ căn cứ khởi tố vụ án hình sự thì Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ra quyết định khởi tố vụ án hình sự và chuyển cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh để điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

4. Trường hợp Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh nhận được đề nghị của cơ quan đang thụ lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố về việc tiến hành một số hoạt động xác minh, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền thì phải gửi thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh biết để thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được đề nghị.

Trường hợp nếu xét thấy hoạt động xác minh, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố được đề nghị phức tạp, kéo dài thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh phải ra quyết định phân công Phó Thủ trưởng, Cấp phó, Điều tra viên, Cán bộ điều tra tiến hành kiểm tra, xác minh những việc được đề nghị, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phải phân công Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiến hành hoạt động kiểm tra, xác minh của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh.

5. Đối với tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố do Cơ quan điều tra cấp huyện tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền, trường hợp chưa có Thủ trưởng Cơ quan điều tra để phân công giải quyết hoặc xét thấy do tính chất vụ việc phức tạp, để Cơ quan điều tra cấp huyện giải quyết sẽ không đảm bảo tính khách quan thì Cơ quan điều tra Công an tỉnh Yên Bái trao đổi và thống nhất với Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái rút lên để tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật và chuyển lại cho Cơ quan điều tra cấp huyện tiếp tục giải quyết theo thẩm quyền đối với tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố sau khi có Thủ trưởng Cơ quan điều tra.

6. Điều tra viên, Cán bộ điều tra được phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố có trách nhiệm thực hiện đầy đủ, nghiêm túc yêu cầu, quyết định của Viện kiểm sát và yêu cầu kiểm tra, xác minh của Kiểm sát viên. Yêu cầu kiểm tra, xác minh có thể được thực hiện nhiều lần, bằng văn bản;

văn bản yêu cầu được đưa vào hồ sơ vụ việc. Trường hợp không nhất trí với yêu cầu, quyết định của Viện kiểm sát hoặc của Kiểm sát viên thì Điều tra viên, Cán bộ điều tra vẫn phải thực hiện và có quyền kiến nghị với Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp. Trường hợp Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh không thực hiện được hoặc thực hiện không đầy đủ các yêu cầu kiểm tra, xác minh của Viện kiểm sát vì lý do trở ngại khách quan thì phải nêu rõ lý do bằng văn bản. Quá trình giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Kiểm sát viên, Điều tra viên, Cán bộ điều tra phải giữ bí mật kiểm tra, xác minh.

7. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày lập biên bản về hoạt động kiểm tra, xác minh, thu thập, nhận được tài liệu liên quan đến việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố mà Kiểm sát viên không trực tiếp kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh có trách nhiệm chuyển biên bản, tài liệu này (đã đóng dấu bút lục, nhưng chưa đánh số vào góc trên bên phải tùng trang) cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh để kiểm sát việc lập hồ sơ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Trường hợp do trở ngại khách quan thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 06 ngày. Trong thời hạn 03 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đóng dấu bút lục, ghi ngày nhận vào góc dưới bên phải của tùng trang biên bản, tài liệu, sao lưu hồ sơ kiểm sát và bàn giao nguyên trạng tài liệu, biên bản đó cho Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh. Việc giao, nhận tài liệu, biên bản được lập biên bản theo quy định tại Điều 133 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

8. Trường hợp Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm thì quyết định việc khởi tố vụ án theo thẩm quyền hoặc chuyển cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 151 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

9. Trường hợp Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh trực tiếp phát hiện vụ việc, nhưng chưa xác định rõ dấu hiệu tội phạm mà cần phải tiến hành xác minh tiếp thì giải quyết theo trình tự, thủ tục giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh để phối hợp giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố

1. Thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố không quá 20 ngày kể từ ngày Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Trường hợp có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì Điều tra viên, Cán bộ điều tra phải báo cáo đề xuất Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng, Cấp trưởng hoặc Cấp phó

cơ quan đang thụ lý, giải quyết kéo dài thời hạn giải quyết nhưng không quá 02 tháng kể từ ngày nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

Trường hợp phải gia hạn thời hạn giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC thì chậm nhất 05 ngày trước khi hết thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh phải có văn bản đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh gia hạn thời hạn kiểm tra, xác minh.

2. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị gia hạn thời hạn kiểm tra, xác minh của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phải xem xét, quyết định. Nếu thống nhất gia hạn thì ra quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra, xác minh, thời hạn không quá 02 tháng kể từ ngày hết thời hạn; trường hợp xét thấy đề nghị gia hạn thời hạn kiểm tra, xác minh không có căn cứ thì Viện kiểm sát có văn bản thông báo, nêu rõ lý do cho Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh để dừng việc kiểm tra, xác minh, đồng thời phải ra một trong các quyết định quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

3. Trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tỉnh hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh thì thời hạn giải quyết tiếp không quá 01 tháng kể từ ngày Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tinh nhận được quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ.

4. Trường hợp phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thì thời hạn giải quyết không quá 01 tháng kể từ ngày ra quyết định phục hồi. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyết định phục hồi, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tinh phải gửi quyết định phục hồi cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái.

Điều 9: Kết thúc việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, ra quyết định khởi tố vụ án hoặc không khởi tố vụ án hình sự

1. Kết thúc việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tinh phải ra quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc không khởi tố vụ án hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

2. Trường hợp có căn cứ khởi tố vụ án hình sự; trường hợp không có dấu hiệu tội phạm hoặc tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 134, 135, 136, 138, 139,

141, 143, 155, 156 và 226 của Bộ luật Hình sự mà bị hại hoặc người đại diện của người bị hại không yêu cầu khởi tố thì chậm nhất 07 ngày trước khi kết thúc việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và ra quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự, Điều tra viên của Cơ quan điều tra Công an tỉnh, Cán bộ điều tra của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh trao đổi thông nhất với Kiểm sát viên đánh giá toàn bộ tài liệu kiểm tra, xác minh và các thủ tục tố tụng của vụ việc để báo cáo lãnh đạo hai ngành thống nhất hướng xử lý, kèm theo toàn bộ hồ sơ kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

Kiểm sát viên, Điều tra viên, Cán bộ điều tra phải lập biên bản thống nhất nội dung đánh giá tài liệu kiểm tra, xác minh, các thủ tục tố tụng và lưu hồ sơ nghiệp vụ của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh, hồ sơ kiểm sát.

Đối với vụ việc phức tạp hoặc Kiểm sát viên không thống nhất quan điểm đánh giá tài liệu kiểm tra, xác minh của Điều tra viên, Cán bộ điều tra thì Kiểm sát viên phải trao đổi với Điều tra viên, Cán bộ điều tra để báo cáo Thủ trưởng hai đơn vị tổ chức họp hai ngành, đánh giá kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, chỉ đạo giải quyết những vấn đề chưa thống nhất, khó khăn, vướng mắc; bảo đảm việc kết thúc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và ra quyết định khởi tố, không khởi tố vụ án hình sự đúng quy định của pháp luật.

Điều 10. Thông báo kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

Khi kết thúc việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh có trách nhiệm gửi kết quả giải quyết cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên-Bái trong thời hạn 24 giờ theo quy định tại các Điều 148, 154, 158 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Điều 11. Việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố trong một số trường hợp cụ thể

1. Trường hợp bị hại từ chối việc giám định theo quyết định trưng cầu (không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trời ngai khách quan) thì Cơ quan điều tra Công an tỉnh phải áp dụng biện pháp dẫn giải để thực hiện việc giám định; nếu bị hại trốn tránh và không biết rõ họ đang ở đâu hoặc việc dẫn giải không đạt được kết quả mà việc giám định có ý nghĩa quyết định đối với việc khởi tố hoặc không khởi tố vụ án thì khi hết thời hạn giải quyết, Cơ quan điều tra Công an tỉnh căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để ra quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

2. Trường hợp Cơ quan điều tra Công an tỉnh chưa triệu tập, làm việc được với người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố do họ bỏ trốn hoặc không biết họ đang ở đâu thì phải thông báo truy tìm người. Khi hết thời hạn giải quyết mà vẫn

không triệu tập, làm việc được với người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố nên không có căn cứ để ra quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự thì Cơ quan điều tra Công an tỉnh căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để ra quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

3. Khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, ngoài tiến hành các hoạt động được quy định tại khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh có thể tiến hành các hoạt động khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, ghi âm, ghi hình...).

4. Đối với đồ vật, tài liệu tạm giữ trong quá trình giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh có thể nhập kho vật chứng để bảo quản.

Điều 12. Trực tiếp kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố

Khi tiến hành trực tiếp kiểm sát về việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đối với Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh Yên Bai, Cơ quan điều tra Công an cấp huyện, Chi cục Kiểm lâm tỉnh và Hạt Kiểm lâm cấp huyện theo kế hoạch, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bai có văn bản đề nghị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Yên Bai cử Điều tra viên và Chi cục Kiểm lâm tỉnh cử Kiểm lâm viên cùng phối hợp và có thể mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Yên Bai thực hiện việc giám sát.

Điều 13. Chế độ thông tin, báo cáo việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố

Hằng tháng, Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh có trách nhiệm lập báo cáo thống kê công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, đối chiếu với Phòng 1, Phòng 2 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, cùng kỳ báo cáo thống kê và gửi Văn phòng tổng hợp Viện kiểm sát nhân dân tỉnh. Kỳ thống kê được tính từ ngày 01 đến hết ngày cuối cùng của tháng.

Điều 14: Quản lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tạm đình chỉ

1. Cơ quan điều tra, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh thực hiện việc tạm đình chỉ, phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố theo các căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 147, 148 và 149 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 9 và Điều 11 Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC.

2. Khi có một trong các căn cứ tạm đình chỉ giải quyết vụ việc theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì chậm nhất 05 ngày trước khi hết thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Điều tra viên của Cơ quan điều tra Công an tỉnh, Cán bộ điều tra của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh và Kiểm sát viên phối hợp rà soát tài liệu, chứng cứ để báo cáo lãnh đạo hai ngành thống nhất hướng xử lý, kèm theo toàn bộ hồ sơ kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, bảo đảm việc tạm đình chỉ giải quyết vụ việc có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; việc phối hợp rà soát, đánh giá tài liệu, chứng cứ giữa Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm sát viên phải được lập biên bản, lưu hồ sơ vụ việc, hồ sơ kiểm sát. Trường hợp không thống nhất được thì Điều tra viên, Cán bộ điều tra phối hợp với Kiểm sát viên báo cáo lãnh đạo hai ngành tổ chức họp hoặc trao đổi bằng văn bản để giải quyết những vấn đề chưa thống nhất.

Trường hợp hết thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố nhưng chưa đủ căn cứ để ra quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự và cũng không có căn cứ để tạm đình chỉ việc giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì Điều tra viên, Cán bộ điều tra báo cáo, đề xuất Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Cấp trưởng hoặc Cấp phó cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh trao đổi với Viện kiểm sát nhân dân tỉnh để thống nhất quan điểm giải quyết. Văn bản nêu rõ kết quả kiểm tra, xác minh; việc đánh giá tài liệu, chứng cứ; vấn đề gây cản trở cho việc làm sáng tỏ nội dung vụ việc nhưng không thuộc các trường hợp luật quy định là căn cứ để ra quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; đường lối giải quyết (quan điểm tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố). Sau khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh có văn bản thống nhất với đường lối giải quyết thì ra quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Trường hợp hai ngành không thống nhất được quan điểm thì có thể tổ chức họp hoặc báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của ngành dọc cấp trên.

3. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh có trách nhiệm phân công đầu mối theo dõi, quản lý hồ sơ vụ việc tạm đình chỉ; định kỳ (hằng tháng, 06 tháng, 01 năm) phối hợp rà soát các vụ việc tạm đình chỉ để đôn đốc phục hồi giải quyết khi không còn lý do tạm đình chỉ.

4. Khi vụ việc tạm đình chỉ Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh chỉ áp dụng các biện pháp để giải quyết lý do tạm đình chỉ.

Đối với những vụ việc tạm đình chỉ đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh trao đổi bằng văn bản với

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh trước khi ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Việc xác định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp này căn cứ vào nội dung tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố về loại tội theo khoản của điều luật trong Bộ luật Hình sự đã được các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, xác minh làm rõ; trường hợp không làm rõ được khoản nào của điều luật thì việc xác định thời hiệu căn cứ vào khung hình phạt trong cấu thành cơ bản của điều luật đó.

5. Đối với những tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đã tạm dừng giải quyết trước khi Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh chủ động trao đổi, thống nhất bằng văn bản với Viện kiểm sát nhân dân tỉnh rà soát, phân loại và xử lý như sau:

a. Đối với những vụ việc đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

b. Đối với những vụ việc còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự:

Những vụ việc có căn cứ tạm đình chỉ việc giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh ra quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết và quản lý, theo dõi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP-BNN&PTNT-BTC-BTP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định phối hợp thực hiện một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự về quản lý, giải quyết các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ.

Những vụ việc không có căn cứ tạm đình chỉ việc giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh ra quyết định phân công và tiến hành giải quyết theo quy định, thời hạn giải quyết tính từ khi ra quyết định phân công.

Điều 15. Lập hồ sơ, quản lý hồ sơ tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tạm đình chỉ

1. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phối hợp trong việc lập hồ sơ, quản lý hồ sơ vụ việc tạm đình chỉ như sau:

a) Thống kê đầy đủ, chính xác số lượng vụ việc tạm đình chỉ phát sinh trong tuần, tháng; tổng số vụ việc tạm đình chỉ do cơ quan mình theo dõi;

b) Theo dõi, quản lý chặt chẽ hồ sơ vụ việc tạm đình chỉ; việc bổ sung tài liệu, chứng cứ vào hồ sơ vụ việc (nếu có); việc khắc phục lý do tạm đình chỉ; kịp thời ra các quyết định giải quyết vụ việc khi đủ điều kiện.

2. Định kỳ (hằng tháng, 06 tháng, 01 năm) Viện kiểm sát nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh tổ chức rà soát, phân loại vụ việc tạm đình chi thuộc trách nhiệm theo dõi, quản lý để đưa ra khỏi danh sách vụ việc tạm đình chi đối với những vụ việc đã có quyết định phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; xây dựng báo cáo thống kê vụ việc tạm đình chi của liên ngành gồm các nội dung: số liệu thống kê kèm theo phân tích, đánh giá chi tiết, phân loại và xử lý, giải quyết vụ việc tạm đình chi thuộc trách nhiệm của từng ngành.

Trên cơ sở kết quả rà soát, phân loại, tùy từng trường hợp cụ thể, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh kịp thời thông nhất quan điểm, biện pháp xử lý, giải quyết vụ việc tạm đình chi; trường hợp không thống nhất thì cơ quan đang thụ lý vụ việc chủ trì, phối hợp với các cơ quan còn lại báo cáo với cơ quan có thẩm quyền cấp trên trực tiếp chỉ đạo giải quyết.

Quý III hằng năm, liên ngành phối hợp kiểm tra việc quản lý, giải quyết vụ việc tạm đình chi tại một số đơn vị cấp huyện; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh là đơn vị chủ trì, phối hợp với Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh, Chi cục Kiểm lâm tỉnh xây dựng kế hoạch kiểm tra.

3. Việc lập, đổi chiếu, gửi báo cáo thống kê vụ việc tạm đình chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP, ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quy định phối hợp giữa các cơ quan trong thực hiện thống kê hình sự.

Điều 16. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

Khi có phát sinh khiếu nại, tố cáo thì việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định tại Chương XXXIII của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Quy chế này thay thế Quy chế phối hợp số 867/QCPH-CA-VKS-CCKL, ngày 13 tháng 8 năm 2019 giữa Công an - Viện kiểm sát - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Yên Bái trong tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.
3. Định kỳ vào cuối tháng 12 hằng năm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái chủ trì tổ chức họp lãnh đạo liên ngành để đánh giá kết quả thực hiện Quy chế phối hợp.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

Giám đốc Công an tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này đến các đơn vị liên quan trực thuộc của mỗi ngành ở cấp tỉnh để thực hiện và cấp huyện để tham khảo, vận dụng.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung thì lãnh đạo các ngành thống nhất xem xét, quyết định.

CÔNG AN TỈNH
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

VIỆN KSND TỈNH
KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH
KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG



Đại tá Đặng Xuân Quỳnh

Lê Xuân Hùng

Vũ Tá Luân

Nơi nhận:

- Giám đốc Công an tỉnh;
- Viện trưởng VKSND tỉnh;
- Chi cục trưởng CCKL tỉnh;
- CQ điều tra, CQ được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra CAT;
- Phòng 1, Phòng 2 VKSND tỉnh;
- Chi cục Kiểm lâm tỉnh;
- Lưu: VT, CA, VKSND, CCKL tỉnh.

(để báo cáo)

(để thực hiện)

Yên Bai, ngày 15 tháng 3 năm 2021

QUY ĐỊNH

(Về việc thực hiện thời hạn giải quyết vụ việc, vụ án hình sự)

- Căn cứ Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự;
- Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2017; 04/2018 của Liên ngành Trung ương; Quy chế thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra, truy tố; Quy chế công tác THQCT kiểm sát xét xử các vụ án hình sự trong ngành kiểm sát nhân dân (gọi tắt là Quy chế 111 và 505);
- Thực hiện Chỉ thị số 06/CT-VKSTC ngày 06/12/2013 của VKSND tối cao về “Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra”, Chỉ thị số 01/CT-VKSTC ngày 31/12/2020 của Viện trưởng VKSND tối cao về công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2021, Kế hoạch số 71/KH-VKS ngày 15/01/2021 của VKSND tỉnh Yên Bai về công tác kiểm sát năm 2021;
- Trên cơ sở kết quả cuộc họp giữa Lãnh đạo Viện và cán bộ, kiểm sát viên Phòng 1, 2 ngày 22/02/2021,

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh thống nhất quy định như sau:

1. Thực hiện nghiêm các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, các Thông tư liên tịch, các Quy chế nghiệp vụ của ngành về thời hạn tố tụng đối với các hoạt động giải quyết vụ việc, vụ án hình sự của Viện kiểm sát. Trong đó từng chức danh tư pháp phải hoàn thành tố tụng sớm hơn hoặc bằng thời hạn tại Phụ lục 1 đính kèm Quy định này.

2. Đảm bảo ban hành Yêu cầu kiểm tra, xác minh, Yêu cầu điều tra đối với 100% vụ việc, vụ án hình sự thụ lý giải quyết, kể từ khi có quyết định phân công, trong thời hạn 03 ngày Kiểm sát viên phải dự thảo Yêu cầu kiểm tra, xác minh, trong thời hạn 05 ngày Kiểm sát viên phải dự thảo Yêu cầu điều tra, báo cáo đồng chí Trưởng phòng (KSV chính) để xem xét ban hành.

3. Kiểm sát viên phải phối hợp chặt chẽ với Điều tra viên, thường xuyên rà soát, kịp thời báo cáo tiến độ giải quyết vụ án, vụ việc với đồng chí Trưởng phòng (KSV chính) và Lãnh đạo Viện trước khi cơ quan điều tra kết thúc kiểm tra xác minh đối với tin báo, tố giác, kiến nghị khởi tố, kết thúc điều tra vụ án; hoặc các vụ án, vụ việc sắp hết thời hạn kiểm tra, xác minh, hết thời hạn điều tra, hết thời hạn truy tố, hết thời hạn áp dụng biện pháp ngăn chặn theo quy định

của pháp luật. Thời điểm báo cáo thực hiện theo Phụ lục 2 đính kèm Quy định này.

4. Về thực hiện báo cáo theo nội dung Quyết định 1654-QĐ-VKS ngày 15/12/2020 VKSND tỉnh: sau khi báo cáo đồng chí Phó Viện trưởng phụ trách, kiểm sát viên báo cáo đồng chí Viện trưởng các vụ án, vụ việc theo Phụ lục 3 đính kèm Quy định này.

5. Các Kiểm sát viên khi tham gia khám nghiệm hiện trường, tử thi, mở niêm phong vật chứng, kiểm sát việc khám xét, hỏi cung bị can, lấy lời khai người bị tạm giữ...; trước khi tham gia phải báo cáo và sau khi kết thúc các công việc phải báo cáo nhanh kết quả công việc với Trưởng phòng.

Căn cứ Quy định này, trong phạm vi chức trách nhiệm vụ được phân công yêu cầu các đồng chí Trưởng phòng, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phòng 1, 2 VKSND tỉnh có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các nội dung trên. Nhằm phấn đấu hoàn thành xuất sắc công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án hình sự; Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký./. *Nam*

Nơi nhận: Ma

- Lãnh đạo, KSV, KTV Phòng 1, 2 (t/h);
- Đ/c Phó Viện trưởng (để chỉ đạo);
- VPTH;
- Lưu: VTh, P2.



Nguyễn Hoài Nam



PHỤ LỤC 1

(Thời hạn tối đa với các hoạt động giải quyết vụ việc, vụ án hình sự của Viện Kiểm sát)

ST T	Tên hoạt động tố tụng	Tổng thời hạn	Trong đó			Ghi chú
			KSV	Trưởng phòng	Lãnh đạo Viện	
I Thực hiện thời hạn trong giải quyết Tố giác, tin báo về tội phạm						
1	Gia hạn thời hạn kiểm tra, xác minh	03 ngày	01 ngày	0,5 ngày	1,5 ngày	Trường hợp phúc tạp báo cáo lãnh đạo Viện còn 0,5 ngày
2	Nhận hồ sơ và QĐ không khởi tố vụ án	02 ngày	0,5 ngày	0,5 ngày	PVT 0,5 VT 0,5	Ban hành công văn đồng ý hoặc không đồng ý
II Thực hiện các thời hạn trong giai đoạn điều tra						
1	Phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp	12 h	07 h + Lấy lời khai	01 h	02 h	Còn 02 h ra QĐ, TH phúc tạp báo cáo Lãnh đạo Viện còn 02 h
2	Phê chuẩn QĐ khởi tố bị can, Lệnh tạm giam; thay đổi, bổ sung QĐ KTKBC	03 ngày	1,5 ngày	0,5 ngày	01 ngày	Trường hợp phúc tạp báo cáo LĐDV còn 0,5 ngày
3	Phê chuẩn QĐ gia hạn thời hạnDTVVA, thời hạn tạm giam Bị can	05 ngày	02 ngày	01 ngày	02 ngày	QĐ trước khi hết hạn 05 ngày
4	Chuyển vụ án Điều tra theo thẩm quyền	03 ngày	1,5 ngày	0,5 ngày	01 ngày	Vụ án chuyển đi KSV phải sao lục lại 01 bộ
5	Kiểm sát việc đình chỉ điều tra (kể từ ngày nhận QĐ, HSVVA)	15 ngày	05 ngày	01 ngày	02 ngày	-Đóng ý: ra Thông báo -Ko đồng ý- Đ 235 BLTTHS
6	Gia hạn thời hạn truy tố, ra lệnh tạm giam, gia hạn thời hạn tạm giam trong thời hạn truy tố	05 ngày	03 ngày	01 ngày	01 ngày	Trường hợp CQĐT KLDT + chuyên HSVVA sang VKS hết Lệnh tạm giam, thi đề xuất ngay. -05 ngày trước khi hết hạn Lãnh đạo Viện quyết định
7	Về thực hiện phê chuẩn các quyết định tố tụng khác					
						- Nếu thời hạn trong Bộ luật tố tụng hình sự tính theo ngày, thì thời gian Kiểm sát viên nghiên cứu báo cáo để xuất + Trưởng phòng duyệt 2/3 thời gian, sau đó 1/3 thời gian tiếp theo báo cáo Lãnh đạo Viện quyết định. - Nếu thời hạn trong Bộ luật tố tụng hình sự tính theo giờ, thì số giờ Kiểm sát viên nghiên cứu báo cáo để xuất + Trưởng phòng duyệt trong 2/3 số giờ trong tổng số giờ luật quy định, sau đó 1/3 thời gian số giờ tiếp theo báo cáo Lãnh đạo Viện quyết định.

PHỤ LỤC 2

(thời điểm kiểm sát viên báo cáo tiến độ giải quyết vụ án, vụ việc trước khi kết thúc hoạt động tố tụng)

STT	Tên hoạt động tố tụng	Thời điểm KSV báo cáo trước khi hết hạn	Thời điểm báo cáo lãnh đạo Viện
1	Báo cáo trước khi kết thúc, hoặc trước khi hết thời hạn kiểm tra, xác minh	10 ngày	Báo cáo lãnh đạo Viện 05 ngày trước khi kết thúc hoặc trước khi hết thời hạn kiểm tra, xác minh (trường hợp phức tạp, ý kiến không thống nhất, ít nhất còn 02 ngày)
2	Báo cáo trước khi kết thúc, hoặc trước khi hết thời hạn điều tra +Án ít nghiêm trọng, nghiêm trọng +Án rất nghiêm trọng +Án đặc biệt nghiêm trọng	10 ngày 15 ngày 20 ngày	Trường hợp vụ án đơn giản, hành vi phạm tội rõ ràng, đồng ý với kết quả làm việc giữa KSV-ĐTV thi báo cáo LĐV phụ trách; -Trường hợp vụ án nhiều tình tiết phức tạp, trái quan điểm, thiếu nhiều tài liệu chứng cứ...thì báo cáo LĐV phụ trách và đồng chí Viện trưởng trước khi hết hạn, hoặc kết thúc 05 ngày.
3	Báo cáo trước khi hết thời hạn truy tố: -Án ít nghiêm trọng, nghiêm trọng (20 n) -Án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng (30 n)	05 ngày 05 ngày	Chậm nhất trước 05 ngày trước khi hết hạn báo cáo Lãnh đạo Viện quyết định.
4	Báo cáo trước khi hết thời hạn tạm giam: -Giai đoạn điều tra -Giai đoạn truy tố	10 ngày 05 ngày	Chậm nhất 05 ngày trước khi hết thời hạn tạm giam KSV báo cáo LĐV xem xét quyết định gia hạn hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giam <i>(Chú ý: Trước thời điểm báo cáo Lãnh đạo Viện các nội dung trên, KSV, Trưởng phòng phải chủ động về thời gian cho phù hợp)</i>
5	Công tác khác: Thứ 2 hàng tuần đồng chí Trưởng phòng 1; 2 báo cáo nhanh đồng chí Phó Viện trưởng phụ trách một số vụ án do Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy theo dõi, giám sát (nếu có) hoặc các vụ án có tính phức tạp, đã gia hạn thời hạn điều tra, truy tố; vụ án liên quan đến cán bộ, công chức, gây dư luận xấu trong nhân dân...(từ 1-3 vụ) để Lãnh đạo nắm nội dung, tiến độ vụ án, vụ việc và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.		

(Các vụ án, vụ việc kiểm sát viên bao cáo đồng chí Viện trưởng)

1.Các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; tội phạm về chúc vụ; một số tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự con người (điểm a, b, c, d khoản 1, Điều 123; khoản 2, 3 Điều 142 BLHS); tội xâm phạm sở hữu (Điều 179 BLHS); một số tội phạm xâm phạm trật tự quan lý kinh tế (Điều 203; 206; 218; 219; 220; 221; 222; 223; 224; 229; 230; 231 và Điều 233 BLHS); tội phạm xâm phạm trật tự an toàn công cộng, trật tự công cộng (Điều 299, 300 BLHS); tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính (Điều 337, 338 BLHS); một số tội phạm xâm phạm hoạt động tu pháp: Điều 368; 369; 370; 371; 372; 373; 374; 375; 376; 377; 378; 379; 385; 387; và Điều 388 BLHS.

2. Các vụ án thính thị VKSND tối cao, VKSND cấp cao, trả lời thính thị của VKSND tối cao, VKSND cấp cao; các vụ án có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng về đường lối giải quyết; có ý kiến khác nhau giữa lãnh đạo phòng với Phó Viện trưởng; các vụ án hình sự có đơn kêu oan; các vụ án phức tạp, du luận xã hội, phương tiện thông tin đại chúng quan tâm, theo dõi;

3. Các trường hợp thay đổi, hủy bỏ các lệnh, quyết định tố tụng; định chỉ, tạm đình chỉ vụ án, bị can; các tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố trong trường hợp được giải quyết theo hướng không khởi tố vụ án hình sự; các trường hợp đề nghị mức án cao (tử hình, chung thân), đề nghị phạt tù cho hướng án treo, cải tạo không giam giữ, phạt tiền;

